TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 08-01-2018
V/v ly hôn, nuôi con và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Bà Trịnh Xuân Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2017/HNGĐ-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336 /2017/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H , sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H : Luật sư Tô Văn Ch , Văn phòng luật sư H , thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc H , sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng B , sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 196, T, khóm A, phường B, thành phố C , tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Huỳnh Ngọc H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Ngọc H kết hôn vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn S , huyện Trần Văn Th , tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau không hợp nhau về tính tình, sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Do đó ông H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc D , sinh ngày 09/8/1993 và Nguyễn Kim N , sinh ngày 20/02/2003;

Ông H yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Kim N , không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Huỳnh Ngọc H trình bày:

Bà H thừa nhận lời trình bày của ông H về hôn nhân, con chung là đúng. Về thời gian ly thân bà H cho rằng vợ chồng ly thân từ ngày 18/4/2014 đến nay nhưng vẫn sống chung nhà để nuôi con. Bà H đồng ý ly hôn, về con bà H yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Kim N , không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai, vợ chồng có một phần đất diện tích 272,5m^2 gắn liền với đất là một nhà ở và một nhà trọ có 08 phòng; số tiền thu nhập từ việc cho thuê nhà trọ từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 9 năm 2017 là 1.332.000.000 đồng, đối trừ các khoản chi phí (điện, nước, trả nợ, tiền cho con học) là 702.000.000 đồng, còn lại 630.000.000 đồng, do ông H quản lý nên bà H yêu cầu chia đôi mỗi người 315.000.000 đồng. Bà H yêu cầu được nhận phần đất gắn liền với căn nhà do vợ chồng ở có diện tích 75,15m^2; yêu cầu chia cho ông H phần đất gắn liền với 8 phòng trọ và lối đi vào khu nhà trọ.

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 236/2017/HNGĐ-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Huỳnh Ngọc H .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N , sinh ngày 20/02/2003 cho bà H nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi, ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao phần đất gắn liền với nhà ở và nhà trọ có diện tích 272,5m^2 (thửa 314, tờ bản đồ địa chính số 39, thành lập năm 2013) cho ông H quản lý, sử dụng. Nhà và đất tọa lạc tại Khóm 7, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau; có các tứ cận như sau: Đông giáp kênh R cạnh 8,1m; Tây giáp cống thoát nước cạnh 5,65m; Nam giáp đất Trần B cạnh 39,7m; Bắc giáp đất Trịnh Thế H cạnh dài 39,7m.

(Kèm theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/3/2016 và Mảnh trích đo địa chính số 02-2016 ngày 03/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Th).

Buộc ông H có trách nhiệm giao lại cho bà H số tiền 523.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc chia số tiền 315.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà H đối với tiền bán đồng hồ, giá trị tủ đồng hồ, giá trị chiếc xe và chia nợ chung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí xem xét, thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2017 bị đơn là bà Huỳnh Ngọc H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà H yêu cầu được chia căn nhà trước ngang 4,5m x dài 16,7m và chia cho bà số tiền 315.000.000 đồng từ tiền thu nhập cho thuê phòng trọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo về số tiền thu nhập từ việc cho thuê nhà trọ, bà H yêu cầu chia cho bà 123.000.000 đồng từ tiền thu nhập cho thuê nhà trọ.

Bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H tranh luận cho rằng, hiện nay bà H đang nuôi con là Nguyễn Kim N , riêng Nguyễn Kim D mặc dù đã đến tuổi trưởng thành nhưng đang học Đại học ở Cần Thơ, khi về vẫn ở với bà H , do đó nếu không chia nhà cho bà H thì mẹ con bà H không có chỗ ở, số tiền 523.000.000 đồng cấp sơ thẩm buộc ông H phải chia giá trị cho bà H không đủ để mua nhà và đất ở khu vực khóm 7, thị trấn sống Đốc, huyện Trần Văn Th , trong khi đó căn nhà ở của vợ chồng có điều kiện kinh doanh mua bán để thu nhập, khu nhà trọ thì cho thuê tháng kể cả mặt hậu vẫn kinh doanh bến bãi, khu nhà trọ có lối đi riêng không ảnh hưởng đến khu nhà ở, vì vậy cả hai khu nhà ở và nhà trọ đều có thể kinh doanh để thu nhập nên không thống nhất chia toàn bộ nhà ở và nhà trọ cho ông H , đồng thời bà H cho rằng nếu giao toàn bộ diện tích đất và nhà hiện nay cho bà sẽ chia giá trị cho ông H là 700.000.000 đồng.

Ông H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H tranh luận cho rằng nguồn gốc đất mà hiện nay vợ chồng cất nhà ở là do ông H được anh là Lê Thanh Nh ủy quyền cho ông, phần đất cất nhà trọ là do vợ chồng bồi đắp trong thời gian ở trên phần đất này, vì vậy đây là tài sản riêng của ông nên không thống nhất chia nhà và đất cho bà H , chỉ chấp nhận chia giá trị nhà và đất là 523.000.000 đồng cho bà H . Đồng thời, ông H có nộp giấy xác nhận của ông Lê Thanh Nh và ông Nguyễn Thanh M để chứng minh rằng ông Minh là Trưởng phòng tổ chức của Công ty liên doanh thủy sản S là người cấp đất cho ông Nh do ông Nh là nhân viên công ty, sau đó ông Nh giao đất lại cho ông H .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu chia căn nhà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện nay ông H và bà H thống nhất vợ chồng có một phần đất với diện tích 272,5m^2 tọa lạc tại Khóm 7, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau. Trên phần đất vợ chồng có xây dựng một căn nhà để ở chiều ngang 4,5m. chiều dài 16,7m, diện tích 75,15m^2 và 08 căn phòng trọ trên diện tích đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 25m, khu nhà trọ liền kề với nhà ở nhưng có một lối đi riêng.

Ông H cho rằng nguồn gốc đất vợ chồng cất nhà ở là do ông H được ông Lê Thanh Nh ủy quyền cho ông vào năm 2006, còn bà H cho rằng được cha mẹ chồng cho sau khi vợ chồng kết hôn. Việc ông H cho rằng ông được ông Nh cho riêng ông phần đất trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông H không có giấy tờ chứng

minh, chỉ có xác nhận của ông Nguyễn Thanh M xác nhận phần đất có nhà hiện nay là của Công ty liên doanh thủy sản S cấp cho cán bộ nhân viên Công ty là ông Lê Thanh Nh , sau đó ông Nh cho lại ông H vào năm 2006. Ông Nh là anh rể của ông H . Như vậy cũng chưa có cơ sở chứng minh phần đất hiện nay là tài sản của ông H được ông Nh cho riêng trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà H .

Bà H khai nguồn gốc đất được cha mẹ chồng cho cũng không có giấy tờ gì để chứng minh, phần đất này từ trước đến nay cũng chưa ai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông H và bà H thừa nhận, vợ chồng đã cất nhà ở trên phần đất này từ năm 1994 cho đến nay và trong thời gian ở trên đất vợ chồng đã bồi đắp đất ven sông để làm tăng diện tích đất ban đầu nên mới có đất để cất khu nhà trọ vào năm 2003 để vợ chồng cho thuê, tăng thu nhập. Do đó diện tích đất theo đo đạc hiện nay là 272,5m^2 trong đó có chiều ngang ở hướng Đông giáp kênh R cạnh 8,1m; Tây giáp cống thoát nước cạnh 5,65m; Nam giáp đất Trần B cạnh 39,7m; Bắc giáp đất Trịnh Thế H cạnh dài 39,7m. Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " *Trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản của vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung"* Như vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có cơ sở.

Xét thấy trên đất hiện nay có một căn nhà do vợ chồng đang ở có diện tích 75,15m^2, diện tích đất còn lại là khu nhà trọ có 08 phòng và một lối đi riêng.

Tại phiên tòa, ông H và bà H thừa nhận phía trước căn nhà ở có thể mua bán và cho thuê bến bãi, phía sau khu nhà trọ vẫn cho thuê bến bãi thu nhập hàng tháng, cả nhà ở và khu nhà trọ đều có mặt tiền để kinh doanh.

Như vậy, nếu chia toàn bộ nhà ở và khu nhà trọ cho ông H và buộc ông H trả giá trị bằng tiền cho bà H như án sơ thẩm quyết định thì bà H không có nơi ở khác, theo xác nhận của chính quyền địa phương ngày 21/12/2007 do bà H cung cấp, thì hiện nay ngoài diện tích nhà và đất của ông H và bà H có hiện nay thì bà H không còn nơi ở khác, mặt khác hiện nay bà H là người đang trực tiếp nuôi con. Vì vậy, nếu buộc ông H chia giá trị nhà đất bằng tiền cho bà H thì không đảm bảo điều kiện ăn ở, học tập của các con bà H và ông H , mặt khác theo trình bày ngày 28/12/2017 và yêu cầu ngày 08/01/2018 của Nguyễn Ngọc D là con của ông H , cháu D hiện nay đang học đại học tại Cần Thơ cũng mong muốn được có nơi ở với bà H trong căn nhà hiện nay vì bà H vẫn là người trực tiếp nuôi Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Kim N .

Xét thấy, tài sản chung của vợ chồng ông H và bà H hiện nay chỉ có căn nhà ở và khu nhà trọ nhưng vị trí mặt tiền của hai khu nhà này đều có thể cho thuê, kinh doanh, tạo thu nhập. Do đó, nếu chia toàn bộ nhà và đất cho ông H thì không đảm bảo quyền lợi cho bà H và con của bà H và ông H . Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình " *Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau: Hoàn cảnh của gia đình và của vợ chồng...Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh, và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động thu nhập*".

Do đó, bà H yêu cầu chia một căn nhà ở và chia cho ông H toàn bộ khu nhà trọ và lối đi vào khu nhà trọ là phù hợp.

Cụ thể chia cho bà H một căn nhà có chiều ngang 4,5m chiều dài 16,7m với diện tích 75,15m^2 có giá trị đất theo định giá là 243.486.000 đồng và giá trị nhà là 112.790.000 đồng.

Chia cho ông H toàn bộ phần đất còn lại trong đó có khu nhà trọ chiều ngang 4,5m chiều dài 25m đã xây dựng 08 phòng trọ, và một lối đi chung có chiều ngang giáp cống thoát nước liền kề với vách nhà là 01m, chiều ngang giáp kinh R là 3,5m với tổng diện tích 197,35m^2. Giá trị nhà theo định giá là 49.781.000 đồng và giá trị đất là 639.414.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu ông H phải chia cho bà 123.000.000 đồng từ tiền cho thuê nhà trọ.

Bà H tranh luận cho rằng, số tiền ông H cho thuê nhà trọ và cho thuê bến nước ở phía trước khu nhà ở và khu nhà trọ được ông H thừa nhận từ năm 2007 đến tháng 9/2017 là 810.000.000 đồng nhưng trong thời gian bà H bỏ nhà đi làm thuê thì ông H đã quản lý số tiền này nhưng ông H có trả nợ cho vợ chồng là 362.000.000 đồng, cho Nguyễn Ngọc D đi học là 278.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng và ông H tiếp tục thu tiền cho thuê mỗi tháng là 15.000.000 đồng từ tháng 9/2017 đến nay là 05 tháng bằng 75.000.000 đồng, do đó tổng cộng số tiền ông H đang quản lý là 246.000.000 đồng nên bà H yêu cầu chia 123.000.000 đồng.

Ông H thừa nhận đã qua vợ chồng có cất 08 phòng trọ để cho thuê từ năm 2007 đến nay với giá cho thuê 400.000 đồng/ phòng. Cho thuê bến nước ở phía trước nhà ở và phía sau nhà trọ. Sau khi trừ chi phí điện, nước mỗi tháng vợ chồng thu nhập khoảng 15.300.000 đồng. Từ năm 2007 đến tháng 9/2017 ông H đã thu tiền nhà trọ và thuê bến nước là 810.000.000 đồng nhưng trong thời gian bà H bỏ nhà đi ông đã trả nợ được bà H thừa nhận là 362.000.000 đồng, tiền cho con đi học là 278.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 170.000.000 đồng là chi phí điện nước, do đó hiện nay không còn số tiền để chia theo yêu cầu của bà H .

Bà H không thừa nhận số tiền ông H khai đã chi phí điện nước vì bà H cho rằng điện nước của vợ chồng sinh hoạt được tính chung cho những người thuê nhà trọ nên bà H cho rằng ông H còn giữ số tiền 170.000.000 đồng và 75.000.000 đồng do ông H thu tiền cho thuê nhà trọ và bến nước từ tháng 9/2017 đến nay. Tổng cộng là 245.000.000 đồng.

Xét thấy, ông H không có chứng gì chứng minh số tiền ông đang giữ hiện nay, ông đã chi phí điện nước do đó yêu cầu của bà H được chia 123.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, khi xem xét chia tài sản là nhà và đất cho bà H thì nhà ở được chia cho bà H , khu nhà trọ được chia cho ông H , mặc dù hai khu nhà đều có thể kinh doanh, diện tích đất có nhà ở được chia cho bà H nhỏ hơn diện tích đất được chia cho ông H giá trị nhà và đất của bà H theo định giá ít hơn giá trị nhà và đất được chia cho ông H nhưng vị trí nhà của bà H vẫn có lợi thế kinh doanh hơn ông H , hơn nữa nguồn gốc đất của bà H và ông H có một phần do gia đình ông H cho, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho ông H trong việc chia tài sản, nên không buộc ông H phải chia cho bà H 123.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H là phù hợp.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm về phần chia tài sản. Do đó, đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí có giá ngạch bà H và ông H phải chịu 5% trên tổng giá trị tài sản của mỗi người được chia.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc H .

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 236/2017/HNGĐ-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th , tỉnh Cà Mau về việc chia tài sản.

Chia cho bà Huỳnh Ngọc H một căn nhà có chiều ngang 4,5m chiều dài 16,7m với diện tích 75,15m^2.

Chia cho ông Nguyễn Thanh H toàn bộ phần đất còn lại trong đó có khu nhà trọ chiều ngang 4,5m chiều dài 25m và một lối đi chung có chiều ngang giáp cống thoát nước liền kề với vách nhà là 01m, chiều ngang giáp kinh R là 3,5m, với tổng diện tích 197,35m^2.

Nhà và đất tọa lạc tại Khóm 7, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau. Ông H có trách nhiệm giao căn nhà cho bà H .

(Kèm theo Bản vẽ ranh giới thửa đất đã ký ngày 03/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trần Văn Th , tỉnh Cà Mau).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc H về việc buộc ông Nguyễn Thanh H phải chia số tiền 123.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Ngọc H phải chịu 17.813.000 đồng, đã qua bà H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 13.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005093 ngày 21 tháng 8 năm 2015 được đối trừ, bà H còn phải tiếp tục nộp 3.913.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí có giá ngạnh là 31.568.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu, đã qua bà H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007417 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Th ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan